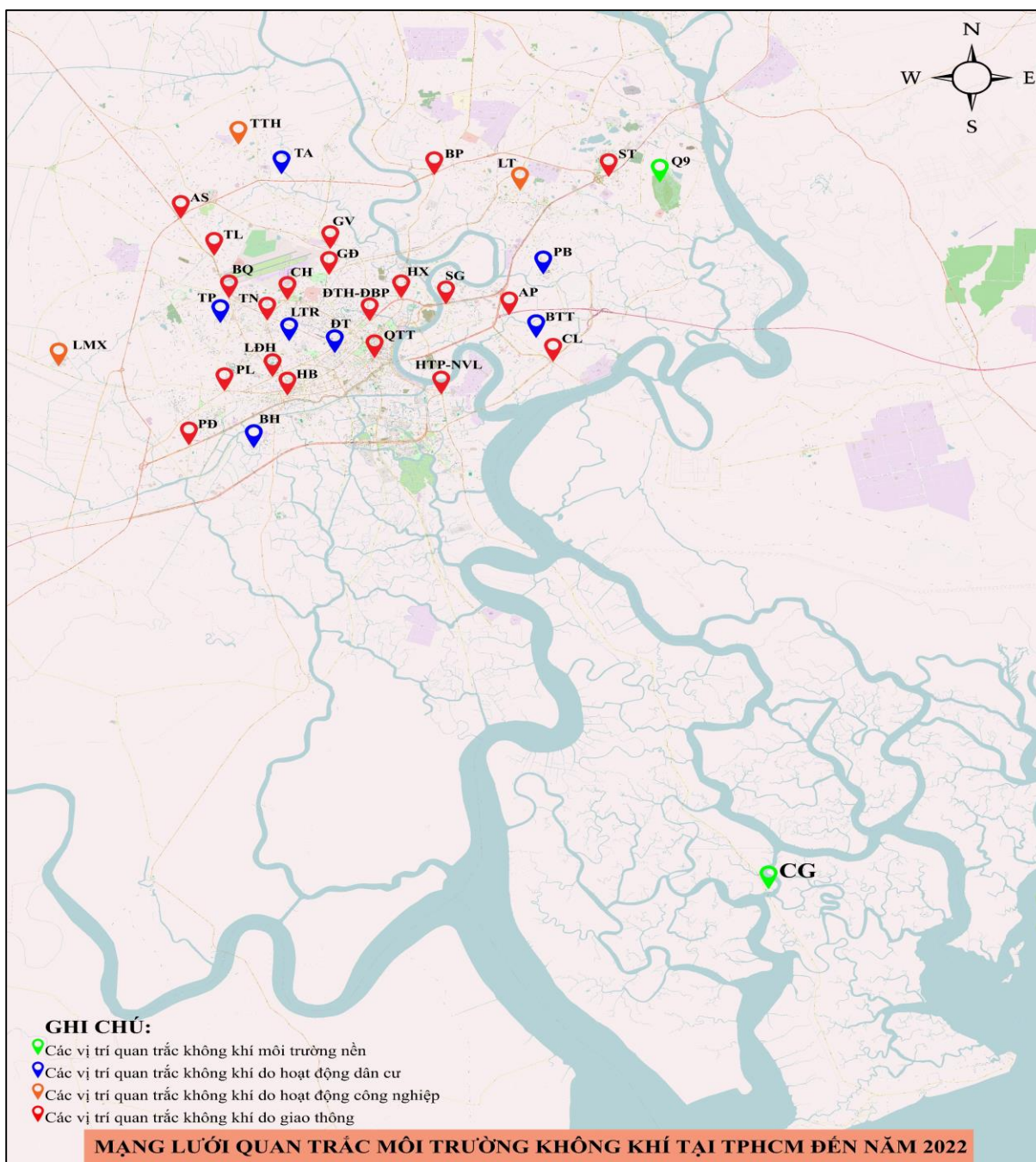


BẢN TIN THÁNG CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

(Tháng 9/2022)

A. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ

1. Bản đồ vị trí các điểm quan trắc không khí



2. Thông số quan trắc: 8 thông số bao gồm CO, NO₂, SO₂, PM₁₀, PM_{2.5}, TSP, Benzen, Tiếng ồn.

3. Tần suất quan trắc:

- Bụi mịn (PM₁₀ và PM_{2.5}): hàng ngày.
- Các thông số còn lại (CO, NO₂, SO₂, TSP, Benzen, Tiếng ồn): 3 lần/ngày.

4. Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 05:2013/BTNMT đối với các thông số CO, NO₂, SO₂, PM₁₀, PM_{2.5}, TSP.
- QCVN 06:2009/BTNMT đối với thông số Benzen.
- QCVN 26:2010/BTNMT đối với thông số Tiếng ồn.

5. Số mẫu quan trắc.

Thông số quan trắc	CO	NO ₂	SO ₂	Tiếng ồn	TSP	Benzen	PM ₁₀	PM _{2.5}
Số mẫu quan trắc (mẫu)	1131	1131	1131	1131	192	192	64	313

6. Kết quả

6.1. Nhóm các khí ô nhiễm, bụi và tiếng ồn (CO, NO₂, SO₂, TSP, Tiếng ồn)

- CO: dao động từ 1.500 – 26.400 µg/m³, với 100% số liệu quan trắc đạt QCVN;
- Bụi lơ lửng: dao động từ 33,0 µg/m³ – 1.190,0 µg/m³, trong đó có 89,6% giá trị quan trắc đạt QCVN;
- NO₂ dao động từ KPH – 159,0 µg/m³, 100% số liệu quan trắc đạt QCVN;
- SO₂ dao động từ KPH – 102,0 µg/m³, 100% số liệu đạt QCVN;
- Mức ồn: dao động từ 44,3 – 84,5 dBA với 35,1% số liệu quan trắc đạt QCVN.

Số liệu quan trắc trong tháng 9/2022 cho thấy nồng độ các chỉ tiêu quan trắc đạt Quy chuẩn Việt Nam. Ngoại trừ chỉ tiêu tiếng ồn có 64,9% giá trị quan trắc không đạt QCVN do ảnh hưởng của hoạt động giao thông.

6.2. Nhóm bụi mịn: (PM₁₀, PM_{2.5})

- PM₁₀: dao động trong khoảng 14,0 – 130,0 µg/m³ (QCVN 150 µg/m³).
- PM_{2.5}: dao động trong khoảng 6,0 – 52,0 µg/m³ (QCVN 50 µg/m³).

Số liệu quan trắc trong tháng 9/2022 cho thấy nồng độ PM₁₀ đạt Quy chuẩn Việt Nam. Nồng độ PM_{2.5} trung bình 24h có đến 99,68% số liệu đạt Quy chuẩn Việt Nam. Các giá trị vượt chuẩn cũng ở mức độ nhẹ (max 52,0 µg/m³ so với quy chuẩn 50 µg/m³).

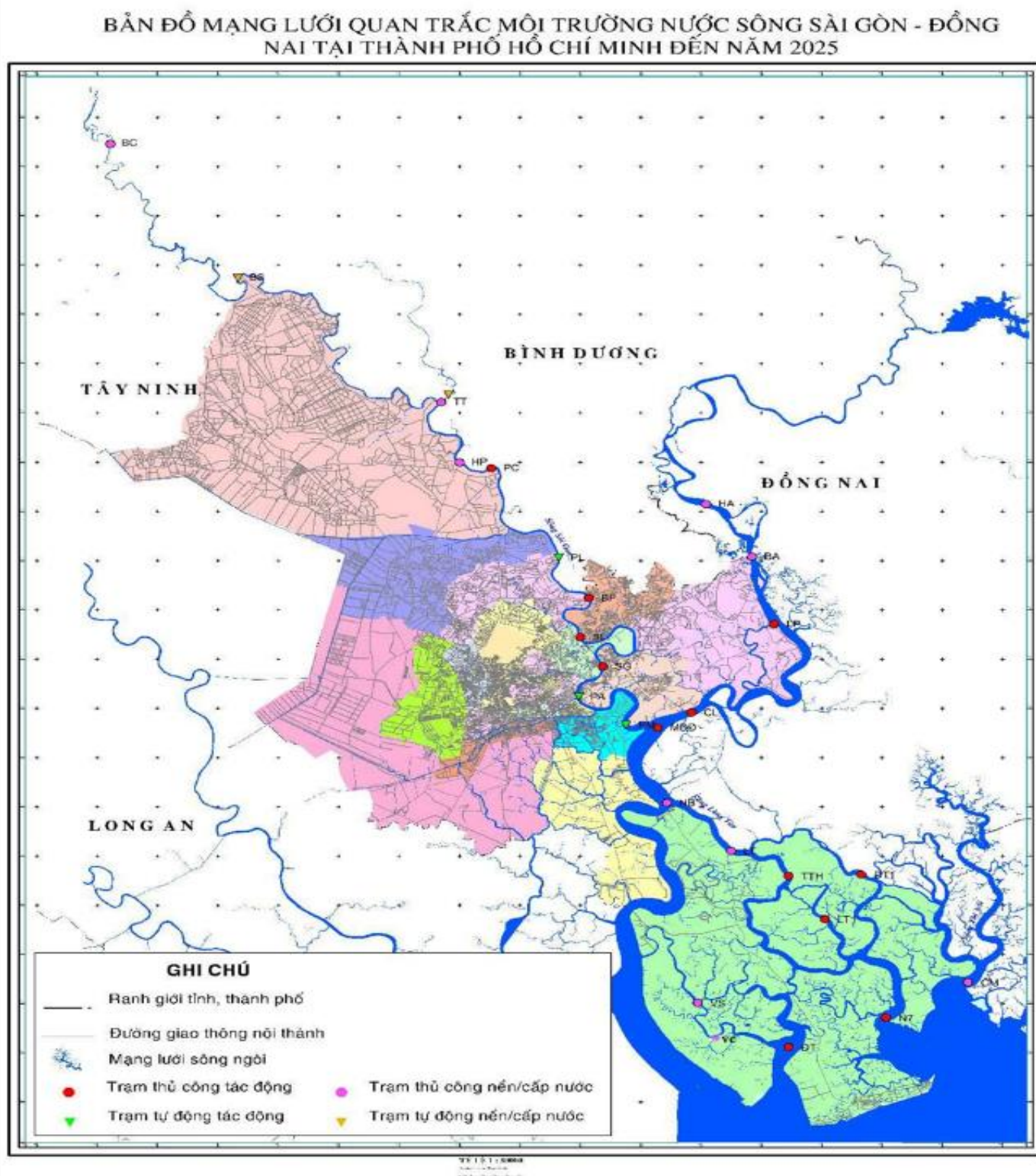
6.3. Khí độc: (Benzen)

- Benzen: dao động từ KPH– 18,0 µg/m³ (QCVN 22 µg/m³).

Số liệu quan trắc trong tháng 9/2022 cho thấy nồng độ Benzen đạt QCVN 09:2009/BTNMT.

B. CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG NƯỚC MẶT

1. Bản đồ vị trí các điểm quan trắc nước mặt



2. Thông số quan trắc: 20 thông số bao gồm pH, TSS, độ đục, nhiệt độ, clorua, BOD₅, COD, DO, amoni, phosphate, nitrate, Pb, Cd, Mn, Fe, Zn, Cu, coliform, E.Coli, tổng dầu mỡ.

3. Tần suất quan trắc:

- 08 trạm quan trắc (Bến Cui, Nhà Bè, Vàm Sát, Vàm Cỏ, Lòng Tàu, Hòa Phú, Hóa An và Bình An): 02 lần/ngày.

- 22 trạm quan trắc còn lại (Thị Tính, Phú Cường, Bình Phước, Bình Lợi, cầu Sài Gòn, Cát Lái, Tam Thôn Hiệp, Mũi đèn đỏ, Lòng Tàu 1, Đồng Tranh 1, cửa sông Đồng Tranh, cửa sông Ngã 7, cửa sông Cái Mép và Long Phước): 01 lần/ngày.

4. Quy chuẩn so sánh:

- QCVN 08:2015/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5. Kết quả

Nguồn nước	Điểm quan trắc	Tháng 09 năm 2022
Sông Sài Gòn	Bến Cui	91
	Hòa Phú	87
	Phú Cường	94
	Bình Phước	80
	Bình Lợi	80
	Sài Gòn	82
Hệ thống lưu vực Sông Đồng Nai	Hóa An	100
	Bình An	100
	Cát Lái	97
	Mũi Đèn Đỏ	95
	Nhà Bè	96
	Vàm Sát	100
	Tam Thôn Hiệp	94
	Đồng Tranh	98
	Ngã Bảy	100
	Cái Mép	99
	Vàm Cỏ	83
	Thị Tính	100
	Lòng Tàu	94
	Lòng Tàu 1	91
	Đồng Tranh 1	97
	Long Phước	87

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG